

Bản án số: 43 /2021/HS- PT
Ngày: 15/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Văn
- *Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Phạm Công Mười

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo – Cán bộ thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Thành Đ1 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 597/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Việt Đ và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 388/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Việt Đ**; sinh năm 1978, tại Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 45 Th, quận Th1, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Nguyễn Trọng T (chết); Mẹ: Vũ Thị B (chết); Vợ: Mai Thị Hằng Ng, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và có 04 con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam từ ngày 13/6/2019 đến nay - có mặt.

2. Bị cáo **Lê Đình Hồng Ng**; sinh năm 1983, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Lê Đình Ngh (chết); Mẹ: Huỳnh Thị Hồng L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

3. Bị cáo **Nguyễn Lâm S**; sinh năm năm 1984, tại tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường số 1, phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: đường Th2, phường Th3, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên; Cha: Nguyễn Văn T (chết); Mẹ: Đinh Thị Ng; vợ: Lưu Diệp Ngọc G và có 02 người con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt giam từ ngày 12/6/2019 đến ngày 19/03/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lâm S có luật sư: Nguyễn Thanh V – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

4. Bị cáo **Vòng Sùi V**; sinh năm 1980, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: khu phố 9, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Vòng Chấn Ph (chết); Mẹ: Ủng A Ph; Vợ: Sless Thanh Y và có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giam từ ngày 29/02/2020 - có mặt.

5. Bị cáo **Mai Thị Bé L**; sinh năm 1990, tại tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm T1, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Thợ may; Cha: Mai Văn H (chết); Mẹ: Lê Thị Đ; Chồng: Hoàng Văn H và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi của Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng và Trần Văn D trong việc trao đổi, bàn bạc phân công nhiệm vụ tổ chức, tìm kiếm khách xuất cảnh đi Đài Loan:

Lợi dụng việc Đài Loan có chính sách thúc đẩy du lịch bằng cách cấp visa Quan hồng miễn phí, thủ tục đơn giản, nhanh gọn nên khoảng tháng 5/2018, Nguyễn Việt Đ và Lê Đình Hồng Ng (sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2017) đã thành lập Công ty cổ phần du lịch V (Công ty V) do Nguyễn Thanh Ph (là bạn của Đ) làm giám đốc, trụ sở tại đường Ng, phường H, quận Th1, Thành phố Hà Nội. Mục đích của Đ, Ng là nhằm làm thủ tục xin cấp giấy phép lý hành quốc tế và tìm kiếm đối tác của Đài Loan hợp tác, để được xét duyệt vào danh sách các công ty du lịch Việt Nam được xin cấp visa Quan hồng. Khoảng tháng 11 năm 2018, Đ, Ng gặp Trần Văn D - Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch I (Công ty I), trụ sở tại 62 Hoàng Xuân Nhi, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trao đổi, thống nhất phân công: D sẽ tìm kiếm người đi xuất cảnh (gọi tắt là khách) sang Đài Loan và trốn ở lại; Đ và Ng làm thủ tục xin cấp visa Quan hồng; tổ chức xuất cảnh bằng hình thức đi du lịch, đặt mua vé máy bay, chuẩn bị cờ dẫn đoàn, mũ để phát cho khách; mua landtour (dịch vụ ăn uống, khách sạn, đưa đón khách tại Đài Loan), (BL: 427, 431, 479-

480, 484, 598-599, 9430, 9433, 9437, 9439).

1.1 Hành vi của Nguyễn Việt Đ và Lê Đình Hồng Ng làm Visa Quan hồng:

Đ và Ng quen biết với Ngô Tiến Ph (nhân viên Công ty TNHH Thương mại Du lịch K do Phan Ngọc H làm Giám đốc) nên nhờ Ph, H làm visa Quan hồng cho khách đi du lịch Đài Loan. Khoảng tháng 11/2018, Đ và Ng cùng Ph sang Đài Loan gặp A (Giám đốc khu vực phụ trách thị trường du lịch Việt Nam), Nguyễn Thị Thu H1 (nhân viên kinh doanh phụ trách thị trường du lịch Việt Nam của Công ty D). Đ, Ng trao đổi muốn dùng pháp nhân của Công ty V để tổ chức cho đoàn khách đi du lịch Đài Loan nhưng vì công ty chưa có giấy phép lữ hành quốc tế, không có tư cách xin visa Quan hồng nên đề nghị A, H1, Ph hỗ trợ xin visa cho khách, A đồng ý và giao H1 cùng Đ và Ph hoàn thiện bộ hồ sơ xin cấp visa Quan hồng.

Để làm visa Quan hồng, khách chỉ cần chuyển hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc ảnh chụp hộ chiếu, ảnh chân dung gửi qua tin nhắn zalo, facebook, messenger hoặc mạng xã hội khác, qua đường bưu điện cho trung gian, môi giới chuyển cho D. D chỉ đạo Nguyễn Thùy H2 (nhân viên Công ty I) tập hợp thông tin của khách gửi cho Đ, Ng. Đ, Ng tiếp tục gửi thông tin của khách cho Ph, H, H1 để làm visa Quan hồng và đặt mua landtour cho đoàn khách.

Theo yêu cầu ký quỹ của Ngô Tiến Ph và Phan Ngọc H nhằm đảm bảo khách không bỏ trốn tại Đài Loan, Đ đã nộp 500.000.000 đồng vào tài khoản của Phan Ngọc H. Khi có kết quả cấp mã code visa Đ đã trả công cho Ph 7.000.000 đồng để Ph điền hộ thông tin mã code visa. Sau đó, Ph gửi file visa Quan hồng cho Đ để gửi cho D. D in ra và đưa cho khách tại sân bay. Ph, H, H1 đã làm hồ sơ gửi đến Cục Du lịch Đài Loan đề nghị cấp duyệt visa Quan hồng tổng cộng đã được Cục Du lịch Đài Loan duyệt, cấp 128 visa Quan hồng cho các đoàn khách của Đ (BL: 1841-1842; 1870-1871...).

1.2 Hành vi của Trần Văn D và đồng phạm tìm kiếm 128 khách để tổ chức trốn đi nước ngoài vào ngày 23/12/2018.

D làm môi giới cho dịch vụ xin visa cho khách du lịch lâu năm, nên quen biết, thiết lập được các đường dây môi giới giới thiệu khách có nhu cầu đi Đài Loan (với mục đích trốn ở lại để lao động, thăm thân, xem mặt để kết hôn với người Đài Loan) gồm: Nguyễn Lâm S, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Thị Thanh H1 đã tìm kiếm cho Trần Văn D được 131 khách (trong đó có 106 khách đã xuất cảnh). D thỏa thuận với S, Th1, H1 giá tiền mỗi khách phải đóng từ 16.500.000 đồng đến 23.000.000 đồng. Ngoài ra, D còn trực tiếp thông qua zalo tìm được 19 khách (trong đó có 01 khách là Phan Hoàng Kh do Huỳnh Trọng Đ1 giới thiệu cho D làm thủ tục xuất cảnh đi Đài Loan với số tiền 28.000.000 đồng. Phan Đăng K đã giới thiệu 02 khách là Hoàng Thị Th và Mai Xuân T cho D để làm thủ tục xuất cảnh đi Đài Loan với số tiền 33.000.000 đồng/khách. Nguyễn Thị Bé T1 giới thiệu cho D làm thủ tục xuất cảnh đi Đài Loan 01 khách là Phạm Văn Đ2 với giá 23.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định: Đ1, K và T1 không được D trao đổi và cũng không biết mục đích của khách sang Đài Loan để trốn ở

lại lao động [BL: 1693-1694, 1695- 1696, 1791-1792, 9440-9441].

Hành vi của Nguyễn Lâm S tìm kiếm 35 khách (trong đó 26 khách đã xuất cảnh) và hành vi của Vòng Sùi V môi giới cho 13 khách (08 khách đã xuất cảnh) để trốn đi nước ngoài:

- Sau khi thỏa thuận với D về việc tìm kiếm người có nhu cầu xuất cảnh sang Đài Loan rồi trốn ở lại. Nguyễn Lâm S sử dụng Facebook có tên “SyNguyen” và zalo có tên “Hải Sản Côn Đảo” tìm kiếm được 10 đầu mối tạo thành các đường dây gồm:

+ Lưu Thoại B sử dụng Facebook có tên C giới thiệu 01 khách là Tô Văn Đây đi Đài Loan với giá 25.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định Bình không biết khách có mục đích xuất cảnh để lao động;

+ Facebook có tên “H” (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) giới thiệu 01 khách với giá 26.000.000 đồng;

+ Facebook có tên “L” (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) giới thiệu 01 khách, với giá 30.000.000 đồng;

+ Facebook có tên “V” (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể) giới thiệu 03 khách, với giá 25.000.000 đồng/khách (trong đó 02 khách Nguyễn Văn Th2 và Lê Văn T2 thông qua Đặng Tấn K1 giới thiệu tới “Anh Vinh”. Kết quả điều tra xác định Đặng Tấn K1 không biết mục đích khách xuất cảnh sang Đài Loan lao động;

+ Lê Minh D sử dụng Facebook “D” giới thiệu 05 khách là Võ Minh Kh, Ngô Thị Ng, Võ Thị Thúy V, Nguyễn Quốc Đ và Lê Thị Ng với giá 25.000.000 đồng/khách cho S làm thủ tục xuất cảnh sang Đài Loan. Kết quả điều tra xác định D không biết số khách này đi mục đích trốn ở lại.

+ Đỗ Ch giới thiệu cho S 01 khách là Đỗ Xuân D với giá 25.000.000 đồng;

+ Kiều Tr giới thiệu cho S 01 khách là Dương Thị Tuyết M với giá 25.000.000 đồng;

+ Tuyen H giới thiệu cho S 03 khách giá 25.000.000 đồng/khách;

+ Den Ng giới thiệu cho S 02 khách là Võ Thanh H và Nguyễn Lê Cẩm T với giá 30.000.000 đồng/khách;

Kết quả điều tra xác định các đường dây “Đỗ Ch”, “Kiều Tr”, “Tuyen H”, “Den Ng” đều trú tại Đài Loan nên cơ quan điều tra chưa xác minh, làm rõ được ([BL: 1029-1030, 1077, 1779-1780, 1506-1507, 1510, 9307-9310).

+ Vòng Sùi V sử dụng mạng zalo (bằng tiếng Trung Quốc) lấy tên “H” tìm kiếm, môi giới cho Nguyễn Lâm S được 13 khách (trong đó có 08 khách đã xuất cảnh gồm: Phạm Thị Th, Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Huỳnh Nh, Nguyễn Văn Q, Đoàn Văn Nh). Vòng Sùi V thỏa thuận với khách mỗi người làm thủ tục xuất cảnh qua Đài Loan phải nộp từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng và phải đưa số tiền đó

cho Và tại sân bay. Và giao cho vợ là Slên Thanh Y thu tiền của khách, nhờ S thu 30.000 Đài tệ tương đương 30.000.000 đồng của Nguyễn Thị Huỳnh Nh khi xuất cảnh đến Đài Loan. Tổng số tiền Vòng Sùi V đã thu được của 08 khách là 195.000.000 đồng, trả cho S 100.000.000 đồng. Sau khi số khách xuất cảnh sang Đài Loan bỏ trốn bị phát hiện, Và khai nhận đã trả lại cho 04 khách Phạm Thị Th, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Thị Huỳnh Nh tổng số tiền 95.000.000 đồng. (BL: 1029-1030, 1051-1052, 1627-1628, 1631, 4044, 9423-9424, 9436 – 9437, 9442).

Hành vi của Nguyễn Thị Thanh H1 tìm kiếm 52 khách (trong đó 40 khách đã xuất cảnh) và hành vi của Mai Thị Bé L môi giới cho 05 khách đã xuất cảnh để trốn đi nước ngoài:

- D thỏa thuận với H1 tìm kiếm khách giới thiệu, thu tiền của mỗi khách 16.500.000đồng và H1 phải tự đặt vé máy bay 01 chiều cho khách. H1 đã sử dụng facebook có tên “MinhNgoc” đăng nội dung quảng cáo “Tư vấn visa Đài Loan”, thông qua 09 đầu mối trên mạng xã hội gồm: Mai Thị Bé L, “Hồ Sally”; “HuongQuynh”; “Trần T”, “BichLieu”; “Bich”; “NailLe”; “AnhVu”; “Galaxy” tìm kiếm, giới thiệu và thu tiền từ 17.000.000 đồng đến 28.200.000đồng/khách. Các đối tượng môi giới này đã giới thiệu cho H1 được 52 khách chuyển cho D, trong đó có 40 người xuất cảnh ngày 23/12/2018 thông qua 09 đầu mối, cụ thể:

+ Phan Thị Bích L sử dụng facebook lấy tên “BichLieu” giới thiệu cho H1 02 khách Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Thị Thanh Nh, thông qua Nguyễn Thị N với giá 17.000.000 đồng/khách. Đối với khách Nguyễn Hữu Thanh thông qua Trần Thị M (Bến Tre) giới thiệu tới Nguyễn Thị N để làm thủ tục đi Đài Loan. Kết quả điều tra xác định, L, M không biết mục đích của khách là sang Đài Loan để trốn ở lại; riêng Nguyễn Thị N đang sinh sống tại Đài Loan nên Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm rõ được;

+ “Trần T” giới thiệu 07 khách xuất cảnh, với giá 23.400.000 đồng/khách;

+ Th1 sử dụng facebook lấy tên “Galaxy” giới thiệu cho H1 01 khách tên Võ Văn H, với giá 23.400.000 đồng;

Kết quả điều tra xác định do H1 quen “Trần T”, “Galaxy” qua mạng xã hội Facebook, không biết thông tin, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không xác minh, làm rõ được.

+ Đường dây “Bich” giới thiệu 05 khách 23.400.000 đồng/khách, trong đó 02 khách là Nguyễn Văn Ch và Trần Thị Trĩ đã liên hệ, nhờ Phan Thị Hồng Đ (Bình Phước) nhận tiền và hồ sơ của khách rồi chuyển cho H1 để làm thủ tục xuất cảnh đi Đài Loan. Kết quả điều tra xác định, Đa không biết mục đích của khách xuất cảnh đi Đài Loan để trốn ở lại;

+ Đường dây “AnhVu” giới thiệu 03 khách Nguyễn Minh Nh, Nguyễn Long Ph và Nguyễn Thị Th cho H1 để làm thủ tục xuất cảnh sang Đài Loan, với giá 21.060.000 đồng/ khách;

+ Đường dây “Hồ Sally” giới thiệu cho H1 05 khách với giá 23.400.000

đồng/khách;

+ Đường dây “HuongQuynh” giới thiệu cho H1 04 khách với giá 23.400.000 đồng/khách;

+ Đường dây “NailLe” giới thiệu cho H1 08 khách với giá 28.200.000 đồng/khách;

Kết quả điều tra xác định, các đường dây “Bich”, “Hò Sally” “HuongQuynh”, “NailLe”, “AnhVu” hiện đang sinh sống tại Đài Loan, H1 quen qua mạng xã hội, không biết thông tin, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm rõ được (BL: 901-902, 1676, 1681-1682, 1784, 1800, 1808, 1810, 3236-3238).

- Mai Thị Bé L sử dụng facebook cá nhân tên “HL” liên hệ, trao đổi với H1 và thống nhất: L tìm kiếm, môi giới khách cho H1 làm visa cho khách đi du lịch Đài Loan rồi trốn ở lại, với chi phí từ 31.000.000đồng đến 35.000.000 đồng/01 khách. H1 yêu cầu L thu trước mỗi khách 10.000.000 đồng tiền đặt cọc để làm visa, thông báo cho khách lịch bay. L đã tiếp nhận hồ sơ và thu tiền của 05 khách gồm: Nguyễn Việt H, Nguyễn Xuân Ph, Nguyễn Đình Th, Lê Thạc L, Phạm Đình L giới thiệu cho H1 để xin visa cho họ xuất cảnh ngày 23/12/2018, với mục đích sang Đài Loan lao động bằng hình thức đi du lịch. 02 khách là Nguyễn Bá H và Đinh Hải D thông qua lời đề nghị của người có tên facebook là “Trần T”, L cho số điện thoại của H1 để H và D liên hệ trực tiếp, L không thu tiền của 02 người này. L cho khách số điện thoại 0918903686 của H1 để khi đến Sân bay Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh liên hệ để được hướng dẫn làm thủ tục bay và cách sang đến Đài Loan. L thu được 171.000.000 đồng/05 khách, chuyển cho H1 100.000.000 đồng, chuyển cho “T Trần” 64.500.000 đồng. L hưởng lợi từ 05 khách số tiền 6.500.000đồng (BL: 891-892, 895-896, 1404, 1410, 1419-1420, 9436, 9437).

Hành vi của Nguyễn Văn Th1: D trao đổi với Th1 thông qua facebook “Nguyễn Th1” tìm khách, giới thiệu với chi phí 23.000.000 đồng/khách để làm thủ tục xuất cảnh trốn đi Đài Loan. Th1 đã tìm kiếm giới thiệu cho D được 44 khách, thu tiền từ 1000 USD - 2500 USD/khách (trong đó có 40 khách xuất cảnh sang Đài Loan ngày 23/12/2018). D khai đã nhận của Th1 số tiền 125.000.000 đồng. Hiện Th1 đang trốn tại Đài Loan, nên chưa lấy được lời khai và chưa xác minh được số tiền Th1 đã thu của khách và các đầu mối đã giới thiệu khách cho Th1 [BL: 1729-1730, 1736-1737, 9436-9437, 9442].

- Đối với Phan Thị Th thông qua người chưa xác định tên, địa chỉ giới thiệu cho D làm thủ tục cho 06 khách đã xuất cảnh sang Đài Loan lao động gồm: Trần Hải A, Lê T Ph, Nguyễn T A, Nguyễn Văn Th1, Đinh Công T, Tô Văn H. Hiện nay, Th đang sinh sống tại Đài Loan nên Cơ quan điều tra chưa xác định được cụ thể số tiền Th hưởng lợi (BL: 3028 - 3031, 3037 - 3039, 3047 - 3050, 3056 - 3057).

2. Hành vi của Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng, Trần Văn D và các đồng phạm tổ chức cho 128 người Việt Nam xuất cảnh trái phép qua Sân bay T

vào ngày 23/12/2018 để trốn đi Đài Loan.

Sau khi đã tìm được khách, làm xong hồ sơ để xuất cảnh sang Đài Loan, D đã chỉ đạo S, H1 cách thức hướng dẫn khách khai báo: “*Khách đến sân bay phải tập trung, lúc xuất cảnh và nhập cảnh tuyệt đối im lặng, không bàn tán với nhau, phải nghe theo hướng dẫn của trưởng đoàn, nếu ai có thắc mắc thì nói là đi du lịch rồi về*” nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng về việc khách không phải đi du lịch. Theo yêu cầu của Đ, D đã soạn thảo Bản cam kết chống trốn với nội dung khách cam đoan sẽ về Việt Nam đúng thời hạn, sau đó D đưa Bản cam kết đó cho S, H1 để chuyển cho khách ký nhằm để tránh trách nhiệm khi khách bỏ trốn.

Để làm các thủ tục liên quan đến tổ chức khách đi Đài Loan rồi trốn ở lại, D giao cho Nguyễn Thị Thùy H2 tiếp nhận hồ sơ của một số khách hàng có nhu cầu xuất cảnh đi Đài Loan gửi cho D, tổng hợp, lập D sách khách gồm các thông tin: Tên, tuổi, quê quán, số hộ chiếu, ảnh mặt hộ chiếu của các đầu mối từ S, H1 và Th1 rồi gửi qua email cho Ng để làm visa Quan hồng; nhận tiền từ các đầu mối và chuyển lại cho D như: Nhận của S 100.000.000 đồng, H1 355.000.000 đồng chuyển vào tài khoản cá nhân của H2, sau đó H2 rút ra đưa cho D 175.000.000 đồng, chuyển khoản cho D 280.000.000 đồng. Theo chỉ đạo của D, ngày 14/12/2018, H2 đặt vé máy bay 02 chiều cho Nguyễn Xuân H3, Vũ Nhật T, Nguyễn Thị Hồng V (bạn gái của H3), Nguyễn Bằng V (em trai V). Đặt vé máy bay chiều đi, không đặt chiều về cho 35 khách xuất cảnh từ sân bay quốc tế T sang Đài Loan ngày 23/12/2018 (số vé máy bay còn lại của khách đi do Nguyễn Thị Thanh H1 đặt); cùng D có mặt tại sân bay Tân Sơn Nhất, giúp D phát visa, vé máy bay, cờ, mũ có in chữ I và giữ hộ tiền do khách trả cho D. H2 không được hưởng lợi gì (BL: 682, 911-913, 1029-1030, 9430, 9438, 9439-9440, 9441-9442, 9498-9499).

Ngày 23/12/2018 Đ, D, Ng đến Sân bay T tổ chức cho 128 khách xuất cảnh sang Đài Loan và chia làm 03 đoàn:

Đoàn thứ nhất, chuyến bay 01h ngày 23/12/2018, Đ và D giao Vũ Nhật T làm trưởng đoàn cùng Nguyễn Xuân H3 dẫn 62 khách xuất cảnh sang Đài Loan. H3 (là bạn của Đ, được Đ bao cho đi du lịch miễn phí, H3 rủ T cùng đi và được Đ đồng ý), T biết được đoàn khách xuất cảnh sang Đài Loan sẽ trốn ở lại, nhưng vẫn đồng ý làm theo yêu cầu của Đ. H3 đã hướng dẫn khách làm thủ tục xuất, nhập cảnh; còn T cầm cờ, phát mũ, hướng dẫn khách làm thủ tục xuất cảnh và cùng với H3 dặn dò khách cách đối phó với cơ quan chức năng để không bị phát hiện. Khoảng 4h ngày 23/12/2018, đoàn khách đến sân bay Đài Bắc, Đài Loan, theo yêu cầu của Đ, H3 và T thu hộ chiếu của khách, dẫn đoàn về khách sạn và số khách này đã bỏ trốn. Ngày 24/12/2018, H3 và T về Việt Nam.

Đoàn thứ hai, chuyến bay 7h40' ngày 23/12/2018, D giao (chưa xác định họ tên, địa chỉ) làm trưởng đoàn dẫn 31 người xuất cảnh sang Đài Loan. Sau khi về khách sạn thì toàn bộ khách đã bỏ trốn.

Đoàn thứ ba, chuyến bay 09h ngày 23/12/2018, Đ và D giao Nguyễn Lâm S làm trưởng đoàn dẫn 35 khách xuất cảnh sang Đài Loan. Sau khi đoàn sang tới

sân bay Đà Nam - Đà Loan thì S bàn giao đoàn khách cho 2 hướng dẫn viên nữ Đà Loan và toàn bộ khách đã bỏ trốn. S quay về Việt Nam vào ngày 24/12/2018. (BL: 1056-1057, 1250-1254, 1360-1362, 1370-1371, 9441).

Về tiền thu lợi bất chính của các bị cáo: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra không chứng minh được số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo D, S, H1, H2, Và cụ thể:

Trong tổng số 128 khách xuất cảnh đi Đà Loan vào ngày 23/12/2018. D thu tổng cộng số tiền 1.417.200.000 đồng (trong đó S 325.000.000 đồng, H1 875.200.000 đồng, Th1 125.000.000 đồng, K 46.000.000 đồng, T1 23.000.000 đồng, 01 người không xác định 23.000.000 đồng). D chuyển cho Đ, Ng 1.071.941.500 đồng (trong đó gồm 771.941.500 đồng cho Đ và Ng, 300.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Nguyễn Hồng H là bạn của Đ). D khai đã sử dụng 527.025.000 đồng để tổ chức cho đoàn khách (gồm: tiền thuê, khách sạn, xe đưa đón và ăn uống; cờ đoàn, mũ; tiền phạt do hành lý khách bị quá cân; thanh toán tiền vé máy bay cho khách, người dẫn đoàn). Tổng cộng, D đã chi hết 1.598.941.500 đồng. Bản thân D khai Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Lâm S và một số khách còn nợ tiền nên D chưa được hưởng lợi gì.

Đ, Ng khai: Đã nhận 1.071.941.000 đồng của D, nhưng chỉ có đồng là tiền tổ chức cho khách trốn. Đ, Ng thừa nhận có khoản 300.000.000 đồng D gửi qua tài khoản của Nguyễn Hồng H (bạn của Đ) nhưng đây là tiền D vay mượn cá nhân trước đây với Đ (tuy nhiên Đ, Ng không cung cấp được tài liệu chứng minh). Ng khai trả lại cho D 132.000.000 đồng của 20 khách không xuất cảnh và tiền bo hướng dẫn viên Đà Loan (nhưng không có chứng từ thể hiện), D không thừa nhận đã nhận số tiền này. Đ, Ng đã chi 557.000.000 đồng (tương đương 23.520 USD) để thanh toán tiền landtour cho Công ty D1; sử dụng 500.000.000 đồng để ký quỹ. Như vậy, tổng số tiền Đ, Ng được hưởng lợi cá nhân là 14.941.500 đồng (1.071.941.500đ – 1.057.000.000đ) trong việc tổ chức cho 128 khách bỏ trốn.

S đã thu của khách là 356.000.000 đồng, giao cho D 325.000.000 đồng, trả 400 USD (tương đương 9.200.000 đồng) tiền tip cho hướng dẫn viên Đà Loan (số tiền này D vẫn chưa trả lại cho S), trả lại cho khách 25.000.000 đồng. Do số tiền S đã thu, chỉ được xác định qua lời khai của S (không có tài liệu khác thể hiện). Một số khách do S thu gom chưa nhập cảnh về Việt Nam, một số đối tượng trung gian gom khách cho S không xác định được hoặc đang ở nước ngoài nên không làm rõ được số tiền S hưởng lợi.

H1 đã nhận 1.089.180.000 đồng từ các đối tượng môi giới, đưa lại cho D 875.200.000 đồng, trả tiền vé máy bay 200.276.000 đồng và chi phí một số khoản khác... Do H1 chưa thu hết tiền của khách nên không xác định được số tiền hưởng lợi của H1 (BL 899, 9506).

Đối với Nguyễn Văn Th1, Phan Thị Th đã xuất cảnh đi Đà Loan nên Cơ quan điều tra không làm rõ được.

Vòng Sùi V thu 195.000.000 đồng/08 khách, trả cho Nguyễn Lâm S

100.000.000 đồng, trả lại cho 04 khách 95.000.000 đồng. Do không có giấy tờ, tài liệu thể hiện việc giao, nhận tiền, số tiền Và khai đã nhận của khách còn mâu thuẫn với lời khai của khách, 01 khách liên quan Và chưa nhập cảnh, 01 khách không có mặt tại nơi cư trú nên chưa lấy lời khai làm rõ. Vì vậy, không xác định được số tiền hưởng lợi của Và.

Mai Thị Bé L đã nhận tiền và hồ sơ của 05 khách tổng cộng 171.000.000 đồng, chuyển 100.000.000 đồng cho H1, chuyển cho “T Trần” 64.500.000đồng. L tự trích lại tiền được hưởng lợi từ 05 khách là 6.5000.000 đồng.

Vật chứng được thu giữ của các bị cáo và người liên quan gồm:

- Nguyễn Việt Đ: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng Gold; 01 (một) điện thoại di động màu đen hiệu FREETEL kèm sim số 0995129012; 01 (một) máy tính xách tay màu đen, hiệu ASUS, đã qua sử dụng;

- Trần Văn D: 01 (một) điện thoại Iphone 6plus; 01 (một) điện thoại Iphone 8; 01 (một) máy tính xách tay Macbook; 01 (một) điện thoại Iphone 6, màu trắng đã qua sử dụng, IMEI: 352088077210028;

- 01 (một) điện thoại Nokia, màu đen đã qua sử dụng, model RM-1133; 01 (một) điện thoại Iphone Xs max, màu vàng, đã qua sử dụng; số tiền 20.000.000đ;

- Lê Đình Hồng Ng: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy S7 Edge, màu vàng, đã qua sử dụng số EMEI 356156071674089; số tiền 20.000.000đ;

- Nguyễn Thị Thanh H1: 01 (một) điện thoại màu xanh hiệu MI (số hiệu đời máy Redmi Note 4) kèm theo sim số 0918903686; số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng);

- Nguyễn Lâm S: số tiền 16.000.000đ;

- Nguyễn Thị Thùy H2: 01 (một) điện thoại Iphone màu vàng trắng kèm sim số 0937285248; số tiền 2.000.000 đồng;

- Số 0906283319; 01 (một) điện thoại Samsung Note 9, màu xanh đen kèm sim số 0979863030.

- Vũ Nhật T: 01 (một) điện thoại Iphone 6plus màu xám kèm sim số 0776379138; 01 (một) điện thoại Iphone màu đen kèm sim số 0914509124;

- Mai Thị Bé L: số tiền 6.500.000đ;

- Nguyễn Thị Thu H1: 01 (một) điện thoại Iphone 6s màu ghi xám; IMEI số 3557.6307.7108.136;

- Phan Ngọc H: 01 (một) máy tính nhãn hiệu Dell, dòng máy optiplex 960; số tiền 300.000.000đ ;

- Ngô Tiến Ph: số tiền 17.000.000đ;

- Võ Thị H: 01 (một) điện thoại di động Iphone X màu trắng, tình trạng đã qua sử dụng.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 388/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt Đ 10 (mười) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019.

Phạt bổ sung Nguyễn Việt Đ số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 10 (mười) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2019.

Phạt bổ sung Trần Văn D số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình Hồng Ng 06 (sáu) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung Lê Đình Hồng Ng số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thùy H2 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/11/2019.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Lâm S 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến ngày 19/3/2020.

Phạt bổ sung Nguyễn Lâm S số tiền 10.000.000 (mười triệu) vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/5/2019.

Phạt bổ sung Nguyễn Thị Thanh H1 số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vòng Sùi V 05 (năm) năm tù về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020.

Phạt bổ sung Vòng Sùi V số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Mai Thị Bé L 04 (bốn) năm tù về tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung Mai Thị Bé L số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân H3 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2020). Giao bị cáo Nguyễn Xuân H3 cho Ủy ban nhân dân phường N, quận T, Thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Xuân H3 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc Nguyễn Xuân H3 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Nhật T 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2020). Giao bị cáo Vũ Nhật T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu Vũ Nhật T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc Vũ Nhật T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Án sơ thẩm còn tuyên xử về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 15/9/2020 bị cáo Mai Thị Bé L làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 28/9/2020 các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Vòng Sùi V và Lê Đình Hồng Ng làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ Ng yêu cầu kháng cáo.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cho thấy việc Tòa sơ thẩm xử phạt các bị cáo phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài và môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ, riêng bị cáo V có cung cấp đã nộp 10 triệu đồng sau khi có án sơ thẩm, vấn đề này đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Các bị cáo còn lại đề nghị giữ y án sơ thẩm.

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lâm S luật sư cho rằng trong hồ sơ cho thấy vai trò của bị cáo không phải là người tổ chức đưa người khác đi nước ngoài, mà chỉ là tìm người giới thiệu cho D đưa người đi nước ngoài, vì chủ quan bị cáo S không biết người đi Đài Loan sẽ trốn ở lại mà chỉ đơn thuần là ở chơi với người thân, hành vi bị cáo nặng hơn về môi giới nhiều hơn là tổ chức. Mặt khác bị cáo V vợ là những người nhiễm HIV thuộc loại bệnh hiểm nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với các chứng cứ có tại hồ sơ Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng, Nguyễn Lâm S phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, Vòng Sùi V và Mai Thị Bé L phạm tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*” là có căn cứ, đúng pháp luật bởi các lẽ sau:

[1] Lợi dụng chính sách cấp Visa Quan hồng miễn phí của Đài Loan, Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng (*sống với nhau như vợ chồng*) thành lập Công ty cổ phần du lịch V và bàn bạc với Trần Văn D (*Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ du lịch I*) tìm kiếm khách có nhu cầu đi Đài Loan rồi trốn ở lại nhằm hưởng lợi bất chính. Khoảng tháng 11/2018, Đ, D, Ng thông qua K (*được phép xin Visa Quan hồng*) và Công ty Dong – Sen để làm hồ sơ xin cấp Visa Quan hồng cho số khách tìm kiếm được, rồi tổ chức du lịch tour đưa khách đi Đài Loan. Thực tế các bị cáo đã tổ chức đưa 128 người Việt Nam đi Đài Loan vào ngày 23/12/2018. Hành vi của Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng, Nguyễn Lâm S phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự 2015. Đối với Vòng Sùi V và Mai Thị Bé L biết việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật nhưng hám lợi nên đã môi giới nhiều người để đưa đi nước ngoài bất hợp pháp, hành vi của V và L đã phạm vào tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*” tội phạm và hình phạt được quy

định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự 2015.

[2] Về tính chất vai trò của từng bị cáo:

[2.1] Trong vụ án này Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng là người khởi xướng, chủ mưu, bàn bạc thống nhất với Trần Văn D thông qua các đầu mối để gom khách và tổ chức cho 128 người Việt Nam trốn đi nước ngoài, Nguyễn Việt Đ soạn thảo bản cam kết không ở lại bất hợp pháp ở Đài Loan để đưa cho khách ký là nhằm đối phó và phủ nhận trách nhiệm của mình khi bị phát hiện. Với tính chất mức độ, vai trò của bị cáo Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo Đ 10 năm tù, bị cáo Ng 06 năm tù là có căn cứ và đã xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ, bị cáo Ng không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[2.2] Đối với bị cáo Nguyễn Lâm S: Nguyễn Lâm S thu gom được 35 khách, đã đưa được 26 người đi xuất cảnh, bị cáo Nguyễn Thị Thanh H1 (*không kháng cáo*) gom được 52 khách, đưa được 40 người đi xuất cảnh, vai trò của bị cáo S và bị cáo H1 như nhau, lượng người bị cáo H1 đưa đi nước ngoài nhiều hơn bị cáo S, nhưng Tòa sơ thẩm xử bị cáo H1 và bị cáo S mức án 7 năm tù là chưa cá thể hóa hình phạt, đánh giá chưa đúng vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo S xuất trình chứng cứ mới đó là giấy xác nhận của Trung tâm y tế quận G xác nhận “*Nguyễn Lâm S sinh 8/10/1984, Ngày KD nhiễm HIV: 09/5/2013; Ngày vào điều trị: 11/11/2013; Phác đồ điều trị: TDF + 3TC + EFV; Số hồ sơ: N078; Mã số điều trị: 7721312113; Hiện đang điều trị ARV giai đoạn lâm sàng 1, không nhiễm trùng cơ hội*”. Ngoài ra vợ bị cáo S là Lưu Diệp Ngọc Giàu, Trung tâm y tế cũng xác nhận bị nhiễm HIV.

Với những căn cứ như trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người bị bệnh hiểm nghèo.

[2.3] Các bị cáo Vòng Sùi V và Mai Thị Bé L là người giúp sức với vai trò môi giới khách có nhu cầu sang Đài Loan ở lại lao động. Về mặt ý chí bị cáo V và bị cáo L nhận thức được việc giới thiệu người đi Đài Loan bằng đường du lịch sau đó trốn ở lại Đài Loan lao động là không hợp pháp nhưng nghe Đ, Nguyễn Thị Thanh H1 hứa cho tiền khi giới thiệu được người nên đã tích cực tìm người giới thiệu cho Đ và Thanh H1, cụ thể Vòng Sùi V giới thiệu được 08 người, Mai Thị Bé L giới thiệu được 7 người, hành vi của các bị cáo V và L đã phạm vào tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật hình sự. Vai trò của các bị cáo trong vụ án giới hạn, thành khẩn khai báo, bị cáo V đã nộp 10 triệu đồng như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo L có 04 con, con nhỏ nhất sinh năm 2020 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3] Từ phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Lâm S, Vòng Sùi V, Mai Thị Bé L. Sửa án sơ thẩm số 388/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Lâm S, Vòng Sùi V, Mai Thị Bé L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Việt Đ, bị cáo Lê Đình Hồng Ng. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Lâm S, Vòng Sùi V, Mai Thị Bé L. Sửa án sơ thẩm số 388/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Việt Đ** 10 (*mười*) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/6/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung Nguyễn Việt Đ số tiền 40.000.000 (*bốn mươi triệu*) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đình Hồng Ng** 06 (*sáu*) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung Lê Đình Hồng Ng số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 349; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Lâm S** 05 (*năm*) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/6/2019 đến ngày 19/3/2020.

Phạt bổ sung Nguyễn Lâm S số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Vòng Sùi V** 04 (*bốn*) năm tù về tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Phạt bổ sung Vòng Sùi V số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng để nộp

vào ngân sách nhà nước.

5. Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*).

Xử phạt: Bị cáo **Mai Thị Bé L 03** (*ba*) năm tù về tội “*Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung Mai Thị Bé L số tiền 5.000.000 (*năm triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Về án phí hình sự phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Việt Đ, Lê Đình Hồng Ng mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nguyễn Lâm S, Vòng Sùi V, Mai Thị Bé L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Lưu.

Lê Thành Văn